

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 57 /2021/HSST

Ngày 04/6/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Duy Cảnh và ông Nguyễn Danh Hương

- Thư ký phiên tòa: A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 27/7/1997, tại tỉnh Kon Tum;

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Thường và bà Trần Thị Bùi.

Tiền án: không;

Tiền sự: 01 (một), tại Quyết định số 0000068 ngày 13/8/2020 bị công an thành phố Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy ”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/01/2021, hiện đang tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Kon Tum (Có mặt).

2. A D, sinh ngày 27/5/2000, tại tỉnh Kon Tum; Nơi cư trú: Thôn 8, xã ĐăkTơLung, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Giẻ Triêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông A Kru và bà Y Hương; Vợ: Y Thương.

Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2021, hiện đang tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Kon Tum.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông A Hùng; Địa chỉ: Thôn 6, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* Người làm chứng:

- Chị Phạm Thị Thùy D1, sinh năm 2000; Địa chỉ: Thôn Nhơn Khánh, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum;

* Người chứng kiến:

- Anh Tạ Đình B, sinh năm 1991; Địa chỉ: Hẻm 321, Đào Duy Từ, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;

- Anh Đặng Hữu C, sinh năm 1994; Địa chỉ: Hẻm 321, Đào Duy Từ, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 16 giờ 00 ngày 13/01/2021, Trần Văn T đang ở tại phòng trọ số 05, dãy trọ hẻm 321 Đào Duy Từ, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum cùng với Phạm Thị Thùy D1 (Sn: 2000; Trú tại: Thôn An Khánh, xã Sa Nhơn, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum) thì có A D đến chơi. A D hỏi Tình có chỗ nào mua ma túy về sử dụng thì Tình nói biết nhưng không có tiền. A D đưa cho tình 1.400.000 đồng và Tình điều khiển xe mô tô BKS 82G1- 02174 (xe của A D) đi đến khu vực bùng binh ĐăkCấm, phường Trường Chinh, thành phố Kon Tum thì gặp Minh (chưa rõ thân nhân, lai lịch). Tại đây, Tình hỏi Minh mua ma túy với giá tiền 1.400.000 đồng, Minh đưa cho tình 01 gói ma túy đựng trong bì ni lông dán kín. Sau đó, Tình điều khiển xe quay về phòng trọ đưa gói ma túy cho A D. Lúc này lực lượng công an thành phố Kon Tum đến phòng trọ kiểm tra hành chính, A D chạy vào nhà vệ sinh vứt gói ma túy xuống nền nhà thì bị công an bắt quả tang thu giữ niêm phong cùng tang vật.

Tại Bản kết luận giám định số 10/KLGD- PC09 ngày 15/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

- Mẫu chất bột màu trắng (ký hiệu M) được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,858 gam là loại: Methamphetamine.

Cáo trạng số 55/CT-VKSTPKT ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố các bị cáo:

- **Trần Văn T và A D** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo **Trần Văn T và A D** như Cáo trạng và đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với các bị cáo cụ thể:

- Đối với **Trần Văn T**: Áp dụng c khoản 1 Điều 249 điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt tù từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” ;

- Đối với **A D**: Áp dụng c khoản 1 Điều 249 điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt tù 15 tháng tù đến 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tịch thu các vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội gồm: 0,489 (không phẩy tám trăm bốn mươi chín gam) Methamphetamine (*số ma túy còn lại sau giám định*); 01 quẹt ga đã qua sử dụng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; Trả lại cho bị cáo A D 01 điện thoại di động trên vỏ có chữ Realme màu xám, bị vỡ màn hình (không liên quan đến việc phạm tội); Về các vấn đề khác liên quan trong vụ án đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo không tự bào chữa cho hành vi của mình và không có ý kiến tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo Trần Văn T, A D nói lời sau cùng, đều xin Hội đồng xét xử, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên

tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai và các bản cung có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với kết luận giám định, kết luận điều tra, cáo trạng truy tố và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 16 giờ 45 ngày 13/01/2021, Công an thành phố Kon Tum đang tiến hành kiểm tra hành chính tại phòng trọ số 05 của dãy trọ, hẻm 321 Đào Duy Từ, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, phát hiện Trần Văn T đang đưa cho A D 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín. Khi bị phát hiện, A D đã chạy vào nhà vệ sinh vứt gói chất tinh thể rắn màu trắng xuống nền nhà thì bị công an bắt quả tang cùng tang vật. Tại đây, A D đã khai nhận 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín là chất ma túy do A D nhờ Trần Văn T mua với giá 1.400.000 đồng với mục đích tàng trữ để sử dụng. Kết quả giám định 01 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín của A D bị bắt có khối lượng: 0,858 gam là loại: Methamphetamine.

Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Văn T và A D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 như Bản cáo trạng số 55 ngày 22/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum đã truy tố các bị cáo Trần Văn T, A D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì đã trực tiếp xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, thể hiện sự coi thường pháp luật và làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người; xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nên cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định là cần thiết, có như vậy mới đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt sau này và cũng nhằm góp phần đấu tranh phòng chống tốt tệ nạn ma túy nói riêng, các loại tệ nạn xã hội nói chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên vai trò của từng bị cáo được xác định như sau:

A D với vai trò là người khởi xướng đưa tiền cho Trần Văn T đi mua ma túy về tàng trữ với mục đích sử dụng.

Trần Văn T là đồng phạm trong vụ án với vai trò là người giúp sức cho A D đi mua ma túy về với mục đích sử dụng.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn T và A D không có tình tiết tăng nặng .

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn T và A D được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân bị cáo Trần Văn T có 01 tiền sự vào ngày 13/8/2020 bị công an thành phố Kon Tum xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “ Sử dụng trái phép chất ma túy ” (đang còn thời hiệu).

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Trần Văn T, A D không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Đối với đối tượng M là người đã bán ma túy cho Tình nhưng hiện nay chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên cơ quan điều tra, xác minh và xử lý sau; Đối với chị Phạm Thị Thùy D1 và anh Tạ Đình B là người có mặt tại phòng trọ khi Trần Văn T và D bị bắt, tuy nhiên D và B không biết việc T và D tàng trữ chất ma túy nên cơ quan CSĐT công an thành phố Kon Tum không đưa ra hình thức xử lý là đúng pháp luật nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô BKS 82G1-02174 nhãn hiệu Winner màu vàng đen, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu tài sản là ông A Anh là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không đề cập đến.

- 0,849 gam (không phải tám trăm bốn mươi chín gam) Methamphetamine bao gói mẫu vật trong phong bì số 10/KLGD- PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum (*số ma túy còn lại sau giám định*); 01 quẹt ga đã qua sử dụng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy. HĐXX, xét đây là công cụ, phương tiện phạm tội là vật cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động trên vỏ có chữ Realme màu xám, bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong thu giữ của A D. HĐXX, xét thấy đây là tài sản riêng của A D không liên quan đến việc phạm tội nên tuyên trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trần Văn T, A D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T và A D phạm tội “ *Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 13/01/2021).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo A D 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 13/01/2021).

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu tiêu hủy các vật chứng là các công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng gồm:

- 0,849 (không phẩy tám trăm bốn mươi chín gam) Methamphetamine bao gói mẫu vật trong phong bì số 10/KLGD- PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum (*số ma túy còn lại sau giám định*)

- 01 quẹt ga đã qua sử dụng

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Trả lại cho bị cáo A D 01 điện thoại di động trên vỏ có chữ Realme màu xám, bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và cơ quan thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (Tình trạng của các vật chứng được mô tả như các biên bản thu giữ tài liệu, đồ vật của cơ quan cảnh sát điều tra và biên bản giao nhận vật chứng).

4. Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T và A D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (04/6/2021) các bị cáo có quyền kháng cáo bản án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND Tp. Kon Tum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Kon Tum;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS Tp. Kon Tum;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Nghiên